

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ II NĂM 2022

NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT
NƯỚC KHÁNH HÒA**

Nha Trang, ngày 14 tháng 07 năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ II NĂM 2022

NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Nha Trang, ngày 14 tháng 07 năm 2022

Số 236/CTN-TV

Khánh Hòa, ngày 15 tháng 07 năm 2022

V/v Giải trình chênh lệch KQSXKD quý
2/2022 so với quý 2/2021

Kính gửi : Ủy ban chứng khoán Nhà nước
Sở Giao dịch chứng khoán Hà nội (HNX)
Các Quý cổ đông .

- Căn cứ theo thông tư 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
- Căn cứ Báo cáo tài chính quý 2/2022 của Công ty CP Cấp Thoát nước Khánh Hòa;
Công ty Cổ phần Cấp Thoát nước Khánh Hòa (Mã chứng khoán KHW) giải trình các số liệu chênh lệch như sau:

Chênh lệch giữa lợi nhuận sau Thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo KQSXKD quý 2/2022 so với quý 2/2021 tăng 3.017.079.739 đồng tương đương tăng 38,82% là do:

STT	Chỉ tiêu	Quý 2/2022	Quý 2/2021	Chênh lệch
1	Lợi nhuận trước thuế TNDN	12.063.884.850	8.700.777.986	3.363.106.864
2	Thuế TNDN	1.274.562.247	928.535.122	346.027.125
3	Lợi nhuận sau thuế TNDN	10.789.322.603	7.772.242.864	3.017.079.739

Nguyên nhân :

- Do tình hình dịch bệnh Covid -19 được kiểm soát việc sản xuất kinh doanh của đơn vị đã dần ổn định, lượng khách hàng sử dụng nước đã bắt đầu có dấu hiệu hồi phục nên sản lượng nước tiêu thụ đã tăng mặc dù chưa cao. Doanh thu thuần quý 2/2022 so với quý 2/2021 tăng 1.806.174.547 đồng (tương ứng tăng 2,27%) ;.

- Mặt khác giá vốn hàng bán trong quý 2/2022 cũng giảm 2.291.003.485 đồng (giảm 3,35%) so với quý 2/2021. Đồng thời các chi phí quản lý doanh nghiệp, Chi phí bán hàng ...cũng giảm so với quý 2/2021 nên Lợi nhuận sau thuế TNDN quý 2/2022 tăng : 3.017.079.739 đồng (tương đương 38,82%)so với quý 2/2021 .

Vậy Công ty Cổ phần Cấp Thoát nước Khánh Hòa xin giải trình số liệu chênh lệch giữa Báo cáo HDSXKD quý 2/2022 so với quý 2/2021 Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch và các Cổ đông được rõ.

Trân trọng

Nơi nhận :

- Như trên
- Lưu : TV



Nguyễn Văn Đàm

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		155.868.702.017	149.202.137.956
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		30.117.710.213	13.946.077.234
1. Tiền	111		1.330.945.786	1.217.195.045
2. Các khoản tương đương tiền	112		28.786.764.427	12.728.882.189
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		56.000.000.000	56.000.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121			
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122			
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		56.000.000.000	56.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		38.404.755.181	44.911.760.187
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		37.591.616.964	41.277.999.159
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		366.585.000	2.628.406.400
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135			
6. Phải thu ngắn hạn khác	136		600.153.217	1.158.954.628
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(153.600.000)	(153.600.000)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139			
IV. Hàng tồn kho	140		31.155.870.652	32.929.967.850
1. Hàng tồn kho	141		31.155.870.652	32.929.967.850
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		190.365.971	1.414.332.685
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		190.365.971	418.805.135
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152			995.527.550
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153			
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154			
5. Tài sản ngắn hạn khác	155			
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+230+240+250+260)	200		373.347.252.717	370.896.115.469
I. Các khoản phải thu dài hạn	210			
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212			
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213			
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214			
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215			
6. Phải thu dài hạn khác	216			
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219			

1	2	3	4	5
II. Tài sản cố định	220		344.884.159.525	309.913.599.072
1. TSCĐ hữu hình	221		329.734.035.247	294.405.258.404
- Nguyên giá	222		1.157.148.657.362	1.084.775.743.659
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(827.414.622.115)	(790.370.485.255)
2. TSCĐ thuê tài chính	224			
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226			
3. TSCĐ vô hình	227		15.150.124.278	15.508.340.668
- Nguyên giá	228		28.671.219.400	28.572.359.400
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(13.521.095.122)	(13.064.018.732)
III. Bất động sản đầu tư	230			
- Nguyên giá	231			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232			
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		2.524.409.013	36.208.182.617
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241			
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		2.524.409.013	36.208.182.617
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		24.000.000.000	24.000.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		24.000.000.000	24.000.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253			
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254			
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255			
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1.938.684.179	774.333.780
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		1.938.684.179	774.333.780
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262			
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263			
4. Tài sản dài hạn khác	268			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		529.215.954.734	520.098.253.425
C - NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		221.174.745.482	196.367.270.843
I. Nợ ngắn hạn	310		105.465.100.167	93.525.712.164
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		22.633.437.410	30.578.929.913
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		8.997.741.534	2.051.752.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313		8.382.356.733	7.519.458.004
4. Phải trả người lao động	314		10.662.980.734	15.694.746.074
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		3.130.917.112	1.831.714.810
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316			
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317			
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318			
9. Phải trả ngắn hạn khác	319		31.028.474.462	5.518.258.181
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		13.232.406.000	27.561.486.000
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321			
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		7.396.786.182	2.769.367.182
13. Quỹ bình ổn giá	323			
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324			
II. Nợ dài hạn	330		115.709.645.315	102.841.558.679
1. Phải trả người bán dài hạn	331			

1	2	3	4	5
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332			
3. Chi phí phải trả dài hạn	333			
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334			
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335			
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336			
7. Phải trả dài hạn khác	337		18.781.138.308	15.063.675.308
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		96.408.089.433	87.163.089.433
9. Trái phiếu chuyển đổi	339			
10. Cổ phiếu ưu đãi	340			
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341			
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342			
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		520.417.574	614.793.938
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400		308.041.209.252	323.730.982.582
I. Vốn chủ sở hữu	410		308.041.209.252	323.730.982.582
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		260.000.000.000	260.000.000.000
- Vốn góp của Nhà nước	411A		132.600.000.000	132.600.000.000
- Vốn góp của các thể nhân khác	411B		127.400.000.000	127.400.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		852.875.935	852.875.935
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413			
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414			
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415			
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416			
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417			
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		28.877.051.393	27.771.460.050
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419			
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420			
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		18.311.281.924	35.106.646.597
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421A		2.408.388.254	
- LNST chưa phân phối kỳ này	421B		15.902.893.670	35.106.646.597
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422			
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
1. Nguồn kinh phí	431			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN(440=300+400)	440		529.215.954.734	520.098.253.425

Ngày 14 tháng 07 năm 2022

NGƯỜI LẬP

(Ký, họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG

(Ký, họ tên)

GIÁM ĐỐC

(Ký, họ tên, đóng dấu)


Trần Thị Thu Hà


Nguyễn Văn Quân



TỔNG GIÁM ĐỐC


Nguyễn Văn Đàm

BÁO CÁO KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH

Quý 2 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý 2		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5	6	7
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		81.339.425.304	79.531.998.774	152.215.251.151	149.926.022.605
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		11.474.074	10.222.091	11.474.074	10.222.091
+ Hàng bán bị trả lại	02C		11.474.074	10.222.091	11.474.074	10.222.091
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01- 02)	10		81.327.951.230	79.521.776.683	152.203.777.077	149.915.800.514
4. Giá vốn hàng bán	11		66.155.139.349	68.446.142.834	128.519.915.981	130.784.178.626
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		15.172.811.881	11.075.633.849	23.683.861.096	19.131.621.888
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		1.087.629.578	1.368.905.427	1.418.245.181	1.876.243.324
7. Chi phí tài chính	22		1.969.851.399	1.303.524.387	2.905.718.873	2.344.837.027
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.969.851.399	1.303.524.387	2.905.718.873	2.617.032.776
8. Chi phí bán hàng	25		150.000.000	300.000.000	300.000.000	300.000.000
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		2.091.685.962	2.172.806.064	4.126.814.674	4.167.238.059
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(25+26)}	30		12.048.904.098	8.668.208.825	17.769.572.730	14.195.790.126
11. Thu nhập khác	31		984.609.438	961.708.507	1.840.153.019	1.851.918.165
12. Chi phí khác	32		969.628.686	929.139.346	1.820.123.583	1.801.769.773
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		14.980.752	32.569.161	20.029.436	50.148.392
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		12.063.884.850	8.700.777.986	17.789.602.166	14.245.938.518
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		1.274.562.247	928.535.122	1.886.708.496	1.508.649.386
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52					
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		10.789.322.603	7.772.242.864	15.902.893.670	12.737.289.132
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70					
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71					

NGƯỜI LẬP
(Ký, họ tên)


Trần Thị Thu Hà

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, họ tên)


Nguyễn Văn Quân

Ngày 14 tháng 07 năm 2022

GIÁM ĐỐC
(Ký, họ tên)


TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Đàm

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Quý 2 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý II năm 2022	Quý II năm 2021
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		106.129.857.771	106.762.530.231
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(29.573.166.649)	(32.063.685.762)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(17.879.270.573)	(13.945.690.847)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(1.810.186.656)	(1.303.524.387)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(1.000.000.000)	(1.000.000.000)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		2.340.935.645	3.159.839.088
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(33.103.219.336)	(35.540.459.970)
1. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		25.104.950.202	26.069.008.353
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(132.765.158)	(1.007.541.292)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22			4.500.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(9.000.000.000)	(25.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		9.000.000.000	31.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.748.649	3.927.052
2. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(129.016.509)	5.000.885.760
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu đã phát hành	32			
3. Tiền thu từ đi vay	33			
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(10.423.080.000)	(8.433.080.000)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(1.159.449.110)	(23.790.358.008)
3. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(11.582.529.110)	(32.223.438.008)
4. Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		13.393.404.583	(1.153.543.895)

1	2	3	4	5
5. Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		16.724.305.630	19.154.160.804
6. Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
7. Ảnh hưởng của việc tái phân loại các khoản tương đương tiền cuối kỳ	62			
8. Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61+62)	70		30.117.710.213	18.000.616.909


NGƯỜI LẬP

(Ký, họ tên)


Trần Thị Thu Hà

KẾ TOÁN TRƯỞNG

(Ký, họ tên)


Nguyễn Văn Quân

Ngày 14 tháng 07 năm 2022

GIÁM ĐỐC
(Ký, họ tên)

TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Văn Đàm



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, phường Phương Sài, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Khánh Hoà (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Sản xuất và cung cấp nước sạch; Thi công lắp đặt công trình trạm bơm và đường ống cấp thoát nước; Thiết kế mạng lưới và công trình trạm bơm cấp thoát nước; Tư vấn thẩm tra mạng lưới và công trình trạm bơm cấp thoát nước.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Lợi nhuận năm nay tăng so với năm trước do tăng doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh của công ty (chủ yếu là sản xuất nước), Công ty ngày càng mở rộng mạng lưới cung cấp nước trên địa bàn Tỉnh góp phần gia tăng doanh thu hoạt động nước, Công ty cũng gia tăng gửi tiền có kỳ hạn góp phần làm tăng doanh thu tài chính.

6. Cấu trúc Công ty

Công ty liên kết

Công ty chỉ đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Cấp thoát nước Suối Dầu có trụ sở chính tại 58 Yersin, Phường Phương Sài, Thành phố Nha Trang, Khánh Hòa. Hoạt động kinh doanh chính của công ty liên kết này là khai thác, xử lý và cung cấp nước. Tại ngày kết thúc năm tài chính, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty liên kết này là 30%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ phần sở hữu tương đương với tỷ lệ vốn góp.

Các Đơn vị trực thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Khánh Hoà (Nộp phí)	58 Yersin, phường Phương Sài, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
Nhà máy nước Võ Cạnh – Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Khánh Hoà	Gò Đình, thôn Võ Cạnh, xã Vĩnh Trung - Nha Trang
Nhà máy nước Xuân Phong – Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Khánh Hoà	Thôn Phú Bình, xã Vĩnh Thạnh - Nha Trang
Kiểm định đồng hồ đo nước – Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Khánh Hoà	Số 1B Lê Hồng Phong, phường Phước Tân - Nha Trang
Chi nhánh Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Khánh Hoà – Xí nghiệp Xây lắp Cấp thoát nước	Số 1B Lê Hồng Phong, phường Phước Tân - Nha Trang

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, phường Phương Sài, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm nay so sánh được với số liệu của năm trước.

8. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 324 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 323 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

3. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, phường Phương Sài, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trích lập khi công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty tại công ty liên kết. Nếu công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, phường Phương Sài, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là chi phí công cụ dụng cụ và chi phí sửa chữa. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 12 tháng.

Chi phí trả trước ngắn hạn khác

Chi phí trả trước ngắn hạn khác là chi phí sửa chữa các tuyến ống, được phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 12 tháng.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, phường Phương Sài, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50
Máy móc và thiết bị	03 - 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 30
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất này được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê đất.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

Tài sản cố định vô hình khác

Tài sản cố định vô hình khác là toàn bộ chi phí mà Công ty đã chi ra để lập quy hoạch hệ thống cấp nước TP. Nha Trang và Huyện Diên Khánh đến 2010 và định hướng đến 2025. Tài sản này được khấu hao 15 năm.

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, phường Phương Sài, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

10. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

11. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được thành lập nhằm tạo nguồn tài chính đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ của Công ty như sau:

- Cấp kinh phí để thực hiện các đề tài, dự án khoa học và công nghệ.
- Hỗ trợ phát triển khoa học và công nghệ:
 - Trang bị cơ sở vật chất - kỹ thuật cho hoạt động khoa học và công nghệ.
 - Mua máy móc, thiết bị để đổi mới công nghệ trực tiếp sử dụng vào việc sản xuất sản phẩm.
 - Mua bản quyền công nghệ, quyền sử dụng, quyền sở hữu sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, thông tin khoa học và công nghệ, các tài liệu, sản phẩm có liên quan để phục vụ cho hoạt động khoa học và công nghệ.
 - Trả lương, chi thuê chuyên gia hoặc hợp đồng với tổ chức khoa học và công nghệ để thực hiện các hoạt động khoa học và công nghệ.
 - Chi phí cho đào tạo nhân lực khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật về khoa học và công nghệ.
 - Chi cho các hoạt động sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất.
 - Chi phí cho các hoạt động hợp tác nghiên cứu, triển khai về khoa học và công nghệ với các tổ chức, doanh nghiệp Việt Nam.

Tài sản cố định hình thành từ quỹ phát triển khoa học và công nghệ được ghi giảm quỹ tương ứng và không phải trích khấu hao.

Mức trích lập quỹ phát triển khoa học và công nghệ bằng 10% thu nhập tính thuế trong năm theo điều lệ tổ chức và hoạt động của quỹ và được hạch toán vào chi phí. Nếu trong năm, chi cho hoạt động khoa học công nghệ vượt số dư hiện có tại quỹ thì khoản chi vượt được tính vào chi phí hoặc phân bổ cho các năm sau.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, phường Phương Sài, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

12. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

13. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và có Quyết định chi trả cổ tức của Hội đồng quản trị.

14. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, phường Phương Sài, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

15. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm giảm giá hàng bán phát sinh cùng kỳ tiêu thụ hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ này mới phát sinh giảm giá hàng bán thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ của kỳ này.
- Nếu khoản trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm sau.

16. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

17. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, phường Phương Sài, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, phường Phương Sài, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

20. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

21. Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ phải trả tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, phường Phương Sài, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối quý	Số đầu năm
Tiền mặt	3.412.785	8.304.649
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.327.533.001	1.208.890.396
Các khoản tương đương tiền	28.786.764.427	12.728.882.189
- Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng	28.786.764.427	12.728.882.189
Cộng	30.117.710.213	13.946.077.234

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối quý		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
<i>Ngắn hạn</i>	<i>56.000.000.000</i>	<i>56.000.000.000</i>	<i>56.000.000.000</i>	<i>56.000.000.000</i>
Tiền gửi có kỳ hạn	56.000.000.000	56.000.000.000	56.000.000.000	56.000.000.000
Cộng	56.000.000.000	56.000.000.000	56.000.000.000	56.000.000.000

2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối quý		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
<i>Đầu tư vào công ty liên kết</i>	<i>24.000.000.000</i>	-	<i>24.000.000.000</i>	<i>(272.195.749)</i>
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Cấp thoát nước Suối Dầu (*)	24.000.000.000	-	24.000.000.000	(272.195.749)
<i>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</i>	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Cấp thoát nước Sơn Thạnh	-	-	-	-
Cộng	24.000.000.000	-	24.000.000.000	(272.195.749)

- (*) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4201574467 ngày 27 tháng 9 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Khánh Hòa cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Cấp thoát nước Suối Dầu 24.000.000.000VND, tương đương 30% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư đủ số vốn theo cam kết.

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Tình hình hoạt động của công ty liên kết

Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Cấp thoát nước Suối Dầu hiện đang hoạt động kinh doanh bình thường và đã bắt đầu có lãi.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, phường Phương Sài, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	-	-
Trích lập dự phòng bổ sung	-	-
Hoàn nhập dự phòng	-	-
Số cuối quý	-	-

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>		
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Cấp thoát nước Suối Dầu	-	-
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>		
Phải thu tiền nước khách hàng	37.535.664.964	29.733.335.831
Phải thu hoạt động xây lắp	55.952.000	691.636.000
Phải thu hoạt động nạo vét hệ thống thoát nước - Ban Quản Lý Dịch vụ Công ích Thành phố Nha Trang	-	5.561.121.000
Trung tâm phát triển quỹ đất Tỉnh Khánh hòa	-	5.291.906.328
Cộng	<u>37.591.616.964</u>	<u>41.277.999.159</u>

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH TK Cộng	-	1.295.806.400
Công ty TNHH E.T.N.T	-	1.068.000.000
Các nhà cung cấp khác	366.585.000	264.600.000
Cộng	<u>366.585.000</u>	<u>2.628.406.400</u>

5. Phải thu ngắn hạn khác	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<u>Giá trị</u>	<u>Giá trị</u>
	<u>Dự phòng</u>	<u>Dự phòng</u>
Thuế TNCN phải thu nhân viên	-	-
Các khoản ký cược ký quỹ	181.037.500	181.037.500
Tạm ứng	(102.066.555)	57.000.00
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	521.182.272	910.917.128
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	-	10.000.000
Cộng	<u>600.153.217</u>	<u>1.158.954.628</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, phường Phương Sài, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**6. Nợ xấu**

	Số cuối quý			Số đầu năm		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<i>Trả trước cho người bán ngắn hạn</i>			-			-
Công ty Cổ phần Catsoft	Trên 3 năm	53.600.000	-	Trên 3 năm	53.600.000	-
Công ty Cổ phần 504	Trên 3 năm	100.000.000	-	Trên 3 năm	100.000.000	-
Cộng		153.600.000	-		153.600.000	-

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu ngắn hạn như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	153.600.000	153.600.000
Trích lập dự phòng bổ sung	-	-
Số cuối quý	153.600.000	153.600.000

7. Hàng tồn kho

	Số cuối quý		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	25.192.096.925	-	27.450.182.251	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	61.939.657.750	-	5.479.785.599	-
Cộng	87.131.754.675	-	32.929.967.850	-

8. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí công cụ, dụng cụ	190.365.971	418.805.135
Cộng	190.365.971	418.805.135

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	90.579.383.235	278.168.332.556	713.479.999.636	2.548.028.232	1.084.775.743.659
Mua mới trong năm	-	504.800.000	-	-	504.800.000
Đầu tư xây dựng hoàn thành	522.893.321	14.668.785.914	56.676.434.468	-	71.868.113.703
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Số cuối quý	91.102.276.556	293.341.918.470	770.156.434.104	2.548.028.232	1.157.148.657.362
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng	33.923.867.404	174.538.252.113	213.730.458.613	1.244.924.426	423.437.502.556
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	61.958.532.609	218.400.333.855	508.234.558.134	1.777.060.657	790.370.485.255

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, phường Phương Sài, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Khấu hao trong năm	1.734.742.418	8.371.481.982	26.779.810.250	158.102.210	37.044.136.860
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Số cuối quý	63.693.275.027	226.771.815.837	535.014.368.384	1.935.162.867	827.414.622.115
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	28.620.850.626	59.767.998.701	205.245.441.502	770.967.575	294.405.258.404
Số cuối quý	27.409.001.529	66.570.102.633	235.142.065.720	612.865.365	329.734.035.247

10. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	24.636.685.000	3.935.674.400	28.572.359.400
Mua trong năm	-	98.860.000	98.860.000
Số cuối quý	24.636.685.000	4.034.534.400	28.671.219.400
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	9.166.358.218	3.897.660.514	13.064.018.732
Khấu hao trong năm	443.864.388	13.212.002	457.076.390
Số cuối quý	9.610.222.606	3.910.872.516	13.521.095.122
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	15.470.326.782	38.013.886	15.508.340.668
Số cuối quý	15.026.462.394	123.661.884	15.150.124.278
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời không sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, phường Phương Sài, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển giảm khác	Số cuối quý
Xây dựng cơ bản dở dang					
- Tuyến ống DN700-900 Cao bà Quát - Cầu lũng	608.235.454	-	-	-	608.235.454
- Dự án mở rộng cấp nước thành phố Nha Trang	336.154.589	-	-	-	336.154.589
- Cải tạo nâng công suất Nhà máy nước Võ cạnh (giai đoạn I)	696.524.629	9.030.014.522	9.732.854.368	-	6.315.217
- Dự án tuyến ống cấp nước DN 700 Cầu dừa - Mã vòng	31.724.019.729	7.733.839.753	39.509.259.879	-	51.400.397
- Dự án nâng cấp tuyến ống DNB 700 đường 23/10 từ NMN Võ cạnh - Cầu dừa	571.555.383	-	-	571.555.383	-
- Các công trình tuyến ống cấp nước					
Cộng	36.174.772.754	31.775.601.279	60.355.142.672	5.104.232.211	2.524.409.013

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, phường Phương Sài, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**12. Phải trả người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>		
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Cấp thoát nước Suối Dầu	3.035.760.000	2.904.720.000
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>		
Công ty Cổ phần Bạch đằng 4	4.154.595.391	10.560.926.467
Công ty TNHH Dũng Lợi		6.299.363.001
Công ty Cổ phần HAWACO Miền Nam	6.166.220.000	893.200.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng TNG	2.506.397.334	6.072.306.145
Công ty cổ phần công nghệ Bách Việt	-	954.116.162
Công ty TNHH thương mại và Công nghệ B.A.C.A.U	1.653.417.037	218.869.138
Công ty TNHH TK Cộng	1.808.683.841	-
Các nhà cung cấp khác	3.308.363.807	2.675.429.000
Cộng	22.633.437.410	30.578.929.913

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trung tâm phát triển quỹ đất Tỉnh Khánh Hòa	5.022.910.672	-
Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Khánh Hòa	-	661.055.000
Ban Quản Lý Dịch vụ Công ích Thành phố Nha Trang	2.560.407.303	-
Các khách hàng khác	1.414.423.559	1.390.697.000
Cộng	8.997.741.534	2.051.752.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, phường Phương Sài, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	Số đầu năm		Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp trong năm		Số cuối quý	
	Phải thu	Phải nộp	Phải nộp	năm	trong năm	Phải thu	Phải nộp	Phải nộp
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	-	-	7.831.988.678	7.814.480.780	-	-	17.507.898
Thuế GTGT phí thoát nước đô thị thu và nộp hộ	-	524.751.796	-	3.017.349.627	2.989.755.192	-	-	552.346.231
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	708.538.582 (*)	-	1.886.708.496	2.200.000.000	-	-	395.247.078
Thuế thu nhập cá nhân	-	2.123.800	-	637.622.000	561.078.800	-	-	78.667.000
Thuế tài nguyên	-	132.243.200	-	880.968.360	854.280.360	-	-	158.931.200
Tiền thuê đất, thuế nhà đất	-	-	-	82.184.200	82.184.200	-	-	-
Lệ phí môn bài	-	-	-	4.000.000	4.000.000	-	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	6.151.800.626	-	39.992.317.361	38.964.460.661	-	-	7.179.657.326
- Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt	-	677.511.099	-	3.770.451.918	4.392.762.804	-	-	55.200.213
- Giá thoát nước đô thị	-	4.985.142.063	-	34.585.424.642	33.011.425.460	-	-	6.559.141.245
- Phí dịch vụ bảo vệ môi trường rừng	-	489.147.464	-	1.078.701.000	1.002.532.596	-	-	565.315.868
- Tiền khai thác tài nguyên nước	-	-	-	557.739.801	557.739.801	-	-	-
Cộng	-	7.519.458.004	-	54.333.138.722	53.470.239.993	-	-	8.382.356.733

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Hoạt động cung cấp nước sạch 5%
- Hoạt động xây lắp, khảo sát thiết kế và dịch vụ khác 10%

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính
(*) Phụ lục thuyết minh VII.5

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, phường Phương Sài, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho thu nhập từ hoạt động sản xuất nước với thuế suất 10%.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	17.789.602.166
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	
- Các khoản điều chỉnh tăng	111.600.000
- Các khoản điều chỉnh giảm	-
Thu nhập chịu thuế	17.901.202.166
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông</i>	3.580.240.433,20
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp chênh lệch do áp dụng thuế suất khác thuế suất phổ thông</i>	1.886.708.496
<i>Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước</i>	708.538.582
Thuế suất đã trích trong quý trước	612.146.249
Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	395.247.078

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế tài nguyên

Công ty phải nộp thuế tài nguyên đối với mặt nước phục vụ sản xuất với giá tính thuế là 4.000 VND/m³, thuế suất là 1%.

Tiền thuê đất, thuế nhà đất

Tiền thuê đất, thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối quý	Số đầu năm
Chi phí hỗ trợ phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt	350.606.370	390.002.000
Chi phí lãi vay phải trả	159.664.743	97.156.588
Chi phí nạo vét và sửa chữa mương thoát nước theo Khối lượng thanh toán đợt 1 (Phần thuê ngoài)	1.035.318.113	-
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	1.585.327.886	1.344.556.222

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, phường Phương Sài, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số cuối quý	Số đầu năm
Cộng	3.130.917.112	1.831.714.810
16. Phải trả ngắn hạn/dài hạn khác		
16a. Phải trả ngắn hạn khác		
	Số cuối quý	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn, Bảo hiểm xã hội	290.733.592	127.741.994
Cổ tức phải trả hàng năm cho Cổ đông	26.003.967.758	3.967.758
UBND tỉnh Khánh Hòa	916.736.000	1.352.736.000
Nhận đặt cọc lắp đặt hệ thống ống nước	3.817.037.112	3.547.037.112
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	-	486.775.317
Cộng	31.028.474.462	5.518.258.181
16b. Phải trả dài hạn khác		
	Số cuối quý	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan		
Ủy ban Nhân dân tỉnh Khánh Hòa - Nhận bàn giao tài sản	15.215.332.308	10.621.675.308
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác		
Lãi vay ân hạn vốn ODA phải trả - Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa ^(*)	3.553.600.000	4.442.000.000
Phải trả dài hạn khác (ĐOÀN QUÂN KHU 5)	12.206.000	-
Cộng	18.781.138.308	15.063.675.308
(*) Tiền lãi vay ân hạn phải trả dài hạn căn cứ theo lịch trả nợ của Biên bản làm việc với Ngân hàng Phát triển Việt Nam HSC – Chi nhánh Khánh Hòa. Tiền lãi được trả định kỳ 06 tháng một lần, mỗi kỳ 888.400.000 VND.		
17. Vay ngắn hạn/dài hạn		
17a. Vay ngắn hạn		
	Số cuối quý	Số đầu năm
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.18b)		
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa	4.513.080.000	9.026.160.000
- Quỹ Đầu tư Phát triển Khánh Hòa	5.822.000.000	11.638.000.000
- Ngân sách tỉnh Khánh Hòa	2.897.326.000	6.897.326.000
Cộng	13.232.406.000	27.561.486.000
17b. Vay dài hạn		
	Số cuối quý	Số đầu năm
Vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa ⁽ⁱ⁾	13.539.240.978	13.539.240.978
Vay Quỹ đầu tư Phát triển Khánh Hòa ⁽ⁱⁱ⁾	52.382.225.000	43.137.225.000
Vay dài hạn ngân sách tỉnh Khánh Hòa ⁽ⁱⁱⁱ⁾	30.486.623.455	30.486.623.455
Cộng	96.408.089.433	87.163.089.433

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, phường Phương Sài, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn.

- (i) Khoản vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa để “Nâng cấp cải tạo hệ thống cấp nước và vệ sinh Thành phố Nha Trang với hạn mức 135.392.400.978 VND, lãi suất 5%/năm (bao gồm phí quản lý cho vay lại 0,2%/năm), thời hạn vay 25 năm kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2000, thời hạn trả nợ gốc là 20 năm (mỗi năm 2 kỳ) kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2004. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo. Tính đến ngày 30/06/2022, dư nợ vay phải trả là 18.052.320.978 và lãi vay ân hạn phải trả là 3.553.600.000 VNĐ.

Đến thời điểm ngày 31/12/2008, Dự án “Nâng cấp cải tạo Hệ thống cấp nước và vệ sinh TP. Nha Trang”, được hình thành từ vốn vay ODA, đã hoàn thành và đưa vào sử dụng. Tuy nhiên, quyết toán toàn bộ dự án chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Vì vậy, Công ty chỉ ghi nhận nợ vay theo giá trị tài sản, vật tư, công cụ do Ban quản lý Dự án Cấp nước và vệ sinh TP. Nha Trang tạm bàn giao theo số liệu đã xác nhận nợ vay của Chi nhánh Ngân hàng Phát triển Khánh Hòa. Sau khi chuyển sang Công ty Cổ phần toàn bộ giá trị tài sản, vật tư, công cụ vay từ vốn ODA đã được đánh giá lại và được xác định là tài sản của Công ty theo Quyết định số: 1416/QĐ- UBND ngày 17/06/2013 và Quyết định số 2140/QĐ-UBND ngày 29/08/2013 của UBND tỉnh Khánh Hòa về “*Giá trị Doanh nghiệp để cổ phần hóa Công ty TNHH MTV cấp thoát nước Khánh Hòa*”.

- (ii) Công ty có các khoản vay dài hạn Quỹ đầu tư Phát triển Khánh Hòa với chi tiết như sau:

- Hợp đồng tín dụng số 06/2016/HĐTD – ĐTPT ngày 21/11/2016 với hạn mức 24.370.000.000 VND; thời hạn vay là 105 tháng kể từ ngày rút vốn lần đầu, thời hạn trả nợ là 96 tháng kể từ ngày kết thúc thời gian ân hạn; lãi suất cho vay là 8,29%/năm. Mục đích vay: Đầu tư hệ thống cấp nước sạch cho đảo Trí Nguyên. Đến ngày 30/06/2022, số dư nợ gốc còn phải trả là 6.912.225.000 VNĐ.
- Hợp đồng tín dụng số 09/2017/HĐTD - ĐTPT ngày 27/12/2017 với hạn mức 41.150.000.000 VND; thời hạn vay là 126 tháng kể từ ngày rút vốn lần đầu, thời hạn trả nợ là 120 tháng kể từ ngày kết thúc thời gian ân hạn; lãi suất cho vay là 8,29%/năm. Mục đích vay: Cải tạo, nâng cấp tuyến ống cấp nước DN700 đường 23/10 đoạn Nhà máy nước Võ Cạnh đến Cầu Dứa - Nha Trang. Đến ngày 30/06/2022, số dư nợ gốc còn phải trả là 21.259.000.000 VNĐ.
- Hợp đồng tín dụng số 03/2019/HĐTD - ĐTPT ngày 22/05/2019 với hạn mức 11.700.000.000 VND; thời hạn vay là 141 tháng kể từ ngày rút vốn lần đầu, thời hạn trả nợ là 139 tháng kể từ ngày kết thúc thời gian ân hạn; lãi suất cho vay là 8,29%/năm. Mục đích vay: Cải tạo Nhà máy xử lý nước thị trấn Tô Hạp. Đến ngày 30/06/2022, số dư nợ gốc còn phải trả là 5.955.000.000 VNĐ.
- Hợp đồng tín dụng số 17/2020/HĐTD - ĐTPT ngày 09/12/2020 với hạn mức 43.290.000.000 VND; thời hạn vay là 136 tháng kể từ ngày rút vốn lần đầu, thời hạn trả nợ là 132 tháng kể từ ngày kết thúc thời gian ân hạn; lãi suất cho vay là 8,29%/năm. Mục đích vay: Đầu tư dự án “Tuyến ống cấp nước DN700 đường 23/10 (đoạn từ Mã Vòng đến Cầu Dứa)”. Đến ngày 30/06/2022, số dư nợ gốc còn phải trả là 24.078.000.000 VNĐ.

- (iii) Vay dài hạn Ngân sách Tỉnh Khánh Hòa để đầu tư nâng cấp mở rộng Nhà máy nước Võ Cạnh và lắp đặt hệ thống Lamella cho bể lắng Nhà máy nước Võ Cạnh thuộc Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Khánh Hòa với lãi suất 0%. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo với thời hạn trả nợ gốc 12 năm kể từ ngày công trình hoàn thành, nghiệm thu đưa vào sử dụng. Đến ngày 30/06/2022, số dư nợ gốc còn phải trả là 33.383.949.455 VNĐ.

17c. Vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, phường Phương Sài, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	Quỹ khen thưởng	Quỹ phúc lợi	Quỹ thưởng Ban điều hành	Cộng
Số đầu năm	1.065.739.000	1.703.624.182	4.000	2.769.367.182
Trích từ lợi nhuận	4.100.000.000	1.300.000.000	192.667.000	5.592.667.000
Chi quỹ trong năm	158.400.000	806.848.000	-	965.248.000
Số cuối quý	5.007.339.000	2.196.776.182	192.667.000	7.396.786.182

19. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ đã hình thành tài sản cố định	Cộng
Số đầu năm	-	614.793.938	614.793.938
Trích quỹ trong năm	-	-	-
Khấu hao tài sản cố định	-	(94.376.364)	(94.376.364)
Số cuối quý	-	520.417.574	520.417.574

20. Vốn chủ sở hữu**20a. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Số cuối quý	Số đầu năm
Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Khánh Hòa	132.600.000.000	132.600.000.000
Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh	114.096.000.000	114.096.000.000
Các cổ đông khác	13.304.000.000	13.304.000.000
Cộng	260.000.000.000	260.000.000.000

Các cổ đông đã góp đủ vốn điều lệ như đăng ký là 260.000.000.000 VND.

20b. Cổ phiếu

	Số cuối quý	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	26.000.000	26.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	26.000.000	26.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	(46.600)
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	26.000.000	25.953.400

Toàn bộ cổ phiếu là cổ phiếu phổ thông. Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, phường Phương Sài, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	<u>Quý II/2022</u>	<u>Quý II/2021</u>
Doanh thu sản xuất nước sạch	77.643.398.770	75.362.795.769
Doanh thu hoạt động xây lắp	3.378.520.335	3.652.387.161
Doanh thu khảo sát thiết kế	151.871.142	219.963.825
Doanh thu từ Phí bảo vệ môi trường	165.635.057	243.838.383
Doanh thu khác (bán vật tư,...)	-	53.013.636
Cộng	<u>81.339.425.304</u>	<u>79.531.998.774</u>

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan.

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	<u>Quý II/2022</u>	<u>Quý II/2021</u>
Hàng bán bị trả lại hoạt động xây lắp	11.474.074	10.222.091
Cộng	<u>11.474.074</u>	<u>10.222.091</u>

3. Giá vốn hàng bán

	<u>Quý II/2022</u>	<u>Quý II/2021</u>
Giá vốn sản xuất, cung cấp nước sạch	62.757.260.492	64.879.821.847
Giá vốn hoạt động xây lắp	3.232.242.831	3.198.378.982
Giá vốn hoạt động khảo sát, thiết kế	-	124.103.622
Giá vốn hàng bán: Phí bảo vệ môi trường	165.636.026	-
Giá vốn khác (bán vật tư,...)	-	243.838.383
Cộng	<u>66.155.139.349</u>	<u>68.446.142.834</u>

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Quý II/2022</u>	<u>Quý II/2021</u>
Lãi tiền gửi ngân hàng	1.087.629.578	1.368.905.427
Cộng	<u>1.087.629.578</u>	<u>1.368.905.427</u>

5. Chi phí tài chính

	<u>Quý II/2022</u>	<u>Quý II/2021</u>
Chi phí lãi vay	1.969.851.399	1.303.524.387
Cộng	<u>1.969.851.399</u>	<u>1.303.524.387</u>

6. Chi phí bán hàng

	<u>Quý II/2022</u>	<u>Quý II/2021</u>
Chi phí vật liệu, bao bì	150.000.000	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	-	300.000.000
Các chi phí khác	-	-
Cộng	<u>150.000.000</u>	<u>300.000.000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, phường Phương Sài, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Quý II/2022	Quý II/2021
Chi phí cho nhân viên	890.675.074	961.398.189
Chi phí đồ dùng văn phòng	42.309.091	58.336.364
Chi phí khấu hao tài sản cố định	63.781.291	95.470.730
Chi phí dịch vụ mua ngoài	563.755.694	599.214.124
Các chi phí khác	531.164.812	458.386.657
Cộng	2.091.685.962	2.172.806.064

8. Thu nhập khác

	Quý II/2022	Quý II/2021
Thu phí thoát nước, bảo vệ môi trường	969.070.717	929.208.506
Thu tiền nhượng bán vật tư	-	4.500.000
Thu nhập khác	15.538.721	28.000.001
Cộng	984.609.438	961.708.507

9. Chi phí khác

	Quý II/2022	Quý II/2021
Chi phí hỗ trợ thu phí thoát nước, bảo vệ môi trường	969.628.454	929.139.346
Chi phí khác	232	-
Cộng	969.628.686	929.139.346

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Quý II/2022	Quý II/2021
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	19.198.222.316	16.980.531.349
Chi phí nhân công	17.683.042.098	18.022.004.815
Chi phí khấu hao tài sản cố định	18.405.074.121	22.567.386.731
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.624.920.038	3.861.548.896
Chi phí khác	3.568.757.575	2.609.336.703
Cộng	69.480.016.148	64.040.808.494

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, phường Phương Sài, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Ủy ban Nhân dân tỉnh Khánh Hòa	Cổ đông sở hữu 51% vốn điều lệ
Công ty Cổ phần Điện lạnh	Cổ đông sở hữu 43,88% vốn điều lệ
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Cấp thoát nước Suối Dầu	Công ty liên kết

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.11a và V.16b.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Công ty.

2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh cho các hoạt động kinh doanh của Công ty. Trong năm, hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu tập trung vào các lĩnh vực: sản xuất nước sạch, hoạt động xây lắp, khảo sát thiết kế và bán vật tư. Báo cáo kết quả kinh doanh theo bộ phận thể hiện kết quả của lĩnh vực trong doanh trong năm như sau:

	Quý II/2022	Quý II/2021
Hoạt động sản xuất nước sạch		
Doanh thu	77.643.398.770	75.362.795.769
Doanh thu từ Phí bảo vệ môi trường	165.635.057	243.838.383
Giá vốn sản xuất, cung cấp nước sạch	62.757.260.492	64.879.821.847
Giá vốn hàng bán: Phí bảo vệ môi trường	165.636.026	243.838.383
Lợi nhuận gộp	14.886.137.309	10.482.973.922
	Quý II/2022	Quý II/2021
Hoạt động xây lắp		
Doanh thu	3.378.520.335	3.652.387.161
Giảm giá hàng bán	11.474.074	10.222.091
Giá vốn	3.232.242.831	3.198.378.982

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, phường Phương Sài, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Quý II/2022	Quý II/2021
Lợi nhuận gộp	134.803.430	443.786.088
Hoạt động khảo sát, thiết kế		
Doanh thu	151.871.142	219.963.825
Giá vốn	-	124.103.622
Lợi nhuận gộp	151.871.142	95.860.203
Hoạt động khác (bán vật tư...)		
Doanh thu	-	53.013.636
Giá vốn	-	-
Lợi nhuận gộp	-	53.013.636
Tổng lợi nhuận gộp	15.172.811.881	11.075.633.849

Công ty không tiến hành lập Báo cáo bộ phận cho các chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán do không đủ thông tin để tiến hành chia tách.

2b. Thông tin về khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

3. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

3a. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng và cho vay.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng hoặc có tài sản đảm bảo đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, phường Phương Sài, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính như sau:

	Số cuối quý	Số đầu năm
Tiền và các khoản tương đương tiền	30.117.710.213	13.946.077.234
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	56.000.000.000	56.000.000.000
Phải thu khách hàng	37.958.201.964	43.906.405.559
Các khoản phải thu khác	600.153.217	1.158.954.628
Cộng	124.676.065.394	115.011.437.421

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.5 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Tất cả các tài sản tài chính của Công ty đều trong hạn và không bị giảm giá trị.

3b. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn trong vòng 12 tháng có thể được gia hạn với các bên cho vay hiện tại.

3c. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro lãi suất và rủi ro giá nguyên vật liệu.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và ngày 31 tháng 12 năm 2018 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của lãi suất, giá nguyên vật liệu sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, phường Phương Sài, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi có kỳ hạn có lãi suất thả nổi.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của lãi suất đến lợi nhuận trước/sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể.

Rủi ro về giá nguyên vật liệu

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá nguyên vật liệu. Công ty quản lý rủi ro về giá nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Công ty chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá nguyên vật liệu.

4. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

Giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính như sau:

	Số cuối quý		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tiền và các khoản tương đương tiền	30.117.710.213	-	13.946.077.234	-
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	56.000.000.000	-	56.000.000.000	-
Phải thu khách hàng	37.958.201.964	-	43.906.405.559	-
Các khoản phải thu khác	600.153.217	-	1.158.954.628	-
Cộng	124.676.065.394	-	115.011.437.421	-

Nợ phải trả tài chính

Giá trị ghi sổ của nợ phải trả tài chính như sau:

	Số cuối quý	Số đầu năm
Phải trả người bán	31.631.178.944	32.630.681.913
Chi phí phải trả	3.130.917.112	1.831.714.810
Các khoản phải trả khác	49.809.612.770	20.581.933.489
Vay và nợ thuê tài chính	109.640.495.433	114.724.575.433
Cộng	194.212.204.259	169.768.905.645

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể.

5. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Thực hiện Quyết định số 468/QĐ-KTNN ngày 04/04/2022 của Tổng KTNN về việc kiểm toán ngân sách địa phương năm 2021; Chuyển đề việc thực hiện chính sách xã hội hóa theo Nghị định

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, phường Phương Sài, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

số 59/2014/NĐ-CP, Nghị định số 69/2008/NĐ-CP của Chính phủ trong lĩnh vực Giáo dục, dạy nghề giai đoạn 2015-2021; Chuyên đề việc thực hiện đặt hàng, đấu thầu cung cấp dịch vụ công ích giai đoạn 2019-2021 của tỉnh Khánh Hòa, Tổ kiểm toán thuộc Đoàn kiểm toán tỉnh Khánh hòa của Kiểm toán nhà nước khu vực VIII đã thực hiện kiểm toán tại Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Khánh Hòa từ ngày 26/05/2022 đến ngày 01/06/2022.

Do đó căn cứ theo kết luận của Kiểm toán, số liệu báo cáo tài chính năm 2021 có sự thay đổi so với số liệu báo cáo tài chính đã công bố của năm 2021 như sau:

Giảm chi phí Khấu hao tài sản Vô hình: 2.991.488.382 đồng

Tăng thuế TNDN phải nộp: 583.100.128 đồng

Do đó, tăng lợi nhuận sau thuế chưa phân phối: 2.408.388.554 đồng

a. Tại bảng Cân đối kế toán:

Chỉ tiêu	Mã số	Số liệu 31/12/2021 đã công bố	Số liệu tại 31/12/2021 chỉnh sửa theo kết luận của KTNN
Tài sản cố định vô hình	227	12.516.852.286	15.508.340.668
Nguyên giá	228	28.572.359.400	28.572.359.400
Giá trị hao mòn lũy kế	229	(16.055.507.114)	(13.064.018.732)
Thuế và các khoản phải nộp Nhà Nước	313	6.936.357.876	7.519.458.004
Vốn chủ sở hữu	400	321.322.594.328	323.730.982.582
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	32.698.258.343	35.106.646.597

b. Tại Báo cáo Kết quả HĐSXKD:

Chỉ tiêu	Mã số	Số liệu 31/12/2021 đã công bố	Số liệu tại 31/12/2021 chỉnh sửa theo kết luận của KTNN
Giá vốn hàng bán	11	264.765.641.205	261.774.152.823
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	37.025.513.170	40.017.001.552
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	36.955.106.583	39.946.594.965
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	4.256.848.240	4.839.948.368
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	32.698.258.343	35.106.646.597

Nha Trang, ngày 14 tháng 07 năm 2022

Trần Thị Thu Hà
Người lập biểu

Nguyễn Văn Quân
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Đàm
Tổng Giám đốc

